

Bản án số: 289/2021/DS-PT

Ngày: 29/3/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đắc Phú

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Thu
2/ Ông Nguyễn Bá Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23/3/2021 và ngày 29/3/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 626/2020/DSPT ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 911/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn kháng cáo ngày 09/11/2020 và bị Viện Kiểm sát nhân dân Quận B kháng nghị theo công văn số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/10/2020.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6474/2020/QĐPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: đường V, khu phố B, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Ông Trần Trung Tr, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: đường H, Cư xá Đô Thành, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ Thương mại T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung Trực.

Trụ sở: đường H, Cư xá Đô Thành, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2019 ông Đoàn Văn Đ trình bày:

Ngày 09/6/2016 ông Trần Trung T và Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ thương mại T vay của ông số tiền 1.100.000.000 đồng, lãi vay 2,5%/tháng, thời hạn vay từ ngày 09/6/2016 đến ngày 13/7/2016. Ông đã giao cho ông T là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại T nhận đủ số tiền vay. Kể từ khi hết thời hạn vay đến nay ông T và công ty không trả tiền lãi và gốc.

Nay ông khởi kiện yêu cầu các ông Trần Trung T và Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thương mại T phải trả cho ông số tiền gồm:

- Nợ gốc: 1.100.000.000 đồng
- Nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 26 tháng x 20% năm x 150% x 1.100.000.000 đồng = 715.000.000 đồng.

Tổng cộng là 1.815.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 11/8/2020, bị đơn ông Trần Trung T trình bày:

Ông xác nhận số tiền này ông Đ đã nhập vào số tiền vay 7.000.000.000 đồng mà ông Đ đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận B. Khi nhập vào số tiền vay này, ông không thu hồi lại giấy vay 1.100.000.000 đồng. Nguyên nhân là do mối quan hệ làm ăn lâu năm nên ông tin tưởng ông Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Đoàn Văn Đ về việc buộc bị đơn ông Trần Trung T và Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại T phải trả cho ông tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng và lãi tạm tính là 26 tháng số tiền 715.000.000 đồng, tổng cộng là: 1.815.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng được qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự .

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về các yêu cầu của nguyên đơn:

Xét giấy vay tiền đề ngày 9/6/2016: Thể hiện ngày 9/6/2016 ông Đ cho ông T và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T do ông Trần Trung T và Công Ty TNHH xây dựng và dịch vụ Thương Mại T do ông Trần Trung T làm Giám đốc vay số tiền 1.100.000.000 đồng, lãi vay 2,5%/ tháng thời hạn vay từ ngày 9/6/2016 đến ngày 13/7/2016. Tài sản bảo đảm là tiền cầm cố tại Ngân hàng Bản Việt bên vay cam kết trả nợ bằng số tiền đang cầm cố theo hợp đồng số 0035/01316/0 VAHĐCCGTCG ngày 7/6/2016. Sau khi ký kết nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền 1.100.000.000 đồng như nội dung Hợp đồng. Đến nay, thời hạn trả nợ đã hết nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện. Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã nhập số tiền 1.100.000.000 đồng vào yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.000.000.000 đồng đã được Tòa án nhân dân Quận B giải quyết trong vụ án khác nhưng nguyên đơn không thừa nhận có việc nhập khoản vay này.

[2] Xét ý kiến bị đơn cho rằng nhập số tiền 1.100.000.000 đồng vào yêu cầu khởi kiện số tiền 7.000.000.000 đồng. Nhận thấy, 2 giấy vay tiền ngày 9/6/2016 người vay là ông thể hiện người vay không giống nhau. Giấy vay tiền ngày 9/6/2016 người vay là ông Trần Trung T và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại xây dựng T, còn giấy vay tiền ngày 24/4/2017 người vay là ông Trần Trung T và bà Lê Phụng Dung. Nội dung giấy vay tiền này ngày 24/4/2017 cũng ghi rõ (việc vay tiền không liên quan đến các khoản giao dịch khác). Ngoài lời khai bị đơn đã nhập số tiền 1.100.000.000 đồng vào yêu cầu khởi kiện số tiền 7.000.000.000 đồng trong vụ án khác nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn không có chứng cứ nào khác ngoài lời khai. Do đó, lời trình bày của bị đơn đã nhập chung số tiền 1.100.000.000 vào yêu khởi kiện số tiền 7.000.000.000 đồng không có cơ sở chấp nhận.

[3] Ngoài ra tại bản án Dân sự sơ thẩm số 911/2020/DSST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận B ngày 25/9/2020 khẳng định: Ông Đoàn Văn Đ có mối quan hệ làm ăn với ông Trần Trung T, nếu chỉ căn cứ giấy vay tiền ngày 9/6/2016 mà không có tài liệu nào chứng cứ nào khác về việc giao nhận tiền cũng như hợp đồng cầm cố tại Ngân hàng Bản Việt cũng như các tài liệu khác liên quan đến quan hệ dân sự khác giữa ông Đ và ông T thì không có đủ cơ sở xác định các đương sự có thật sự xác lập quan hệ vay tài sản' việc nhận định như trên là chưa có căn cứ : Tại giấy vay tiền ngày 9/6/2016 thể hiện 3 bên có ký nhận giấy vay tiền có đóng dấu của Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ Thương Mại T, có chữ ký của Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, giấy vay đồng thời kèm giấy nhận tiền như vậy bên cho vay đã nhận đủ tiền đúng như nội dung hợp đồng. Mặt khác để đảm bảo cho khoản tiền vay, hợp đồng có nêu : Về tài sản đảm bảo tiền cầm cố tại Ngân Hàng Bản Việt vấn đề này nhận thấy: Trong giấy vay tiền có nêu tài sản bảo đảm là tiền cầm cố tại

Ngân hàng nhưng không có sự xác nhận tại Ngân hàng và không có đăng ký thế chấp theo quy định, mặt khác việc xử lý tài sản thế chấp hay không có đăng ký thế chấp theo quy định, nhưng ông Đ không yêu cầu nên không cần thiết phải xem xét xử lý đối với số tiền cầm cố tại Ngân Hàng Bản Việt như nhận định của Hội đồng xét xử.

Chúng tôi, việc ông Đ cho ông T vay 1.100.000.000 đồng là có thật, còn việc ông T cho rằng đã nhập vào khoản vay 7.000.000.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 24/7/2017. Xét thấy, 02 giấy vay tiền ngày 9/6/2016 và ngày 24/4/2017 thể hiện người vay không giống nhau. Giấy vay tiền ngày 9/6/2016 người vay là ông Nguyễn Trung T và Công ty TNHH T. Giấy vay tiền ngày 24/4/2017 người vay là ông Trần Trung T và bà Lê Phượng Dung. Nội dung giấy vay tiền ngày 24/7/2017 cũng ghi rõ (việc vay tiền này không liên quan đến các khoản giao dịch khác ...bên vay đã nhận đủ tiền) do đó lời trình bày của các đương sự là không có cơ sở.

[4] Xét yêu cầu về số tiền tính lãi: Tại giấy vay tiền ngày 9/6/2016 thể hiện lãi suất vay 2.5% tháng thời hạn vay từ ngày 9/6/2016 đến ngày 13/7/2016 (34 ngày). Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 3/12/2018 nguyên đơn yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm và tạm tính từ ngày 9/6/2016 đến ngày 3/12/2018 là 26 tháng x 20% năm x 150% x 1.100.000.000 đồng = 715.000.000 đồng. Nhận thấy đối với lãi suất vay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là có cơ sở.

Lãi suất trong hạn: Từ ngày 9/6/2016 đến ngày 13/7/2016 (34 ngày) trong hợp đồng vay ghi lãi suất là 2,5%, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tính lãi 20% (tức 1,6% là cao so với quy định). Căn cứ điểm c Điều 2 Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐ TP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao Điều 476 Bộ luật dân sự 2005: Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9% năm. Vì vậy chỉ có cơ sở chấp nhận lãi suất trong hạn 13,5 % năm cho nguyên đơn. (Thời gian 34 ngày).

$1.100.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\%/\text{năm} \times 1 \text{ tháng} 4 \text{ ngày} = 15.675.110 \text{ đồng}.$

Từ ngày 13/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2020 áp dụng điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất và nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20% năm là phù hợp. (thời gian 50 tháng 12 ngày).

$1.100.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \text{ năm} \times 50 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 939.675.109 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi là :

$923.999.999 \text{ đồng} + 15.675.110 \text{ đồng} = 934.286.110 \text{ đồng}.$

Việc cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Án phí DSST: Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí đối với người cao tuổi (Là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên theo Điều 2 Luật Người cao tuổi) do đó ông Trần Trung T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 33.225.000 đồng.

Án phí DSPT: Do chấp nhận kháng cáo của ông Đ nên ông Đ không chịu án DSPT.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3, Điều 26 ; điểm a, khoản 1, Điều 35 ; điểm a, khoản 1, Điều 39 ; Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 91 ; Điều 463 của Bộ luật Dân sự ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm, sửa án sơ thẩm.

[1] Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Đoàn Văn Đ về việc buộc bị đơn ông Trần Trung T và Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại T phải trả cho ông số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu) đồng và lãi số tiền 939.675.109 đồng (chín trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm lẻ chín) đồng, tổng cộng là: 2.039.675.109 đồng (Hai tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm lẻ chín đồng) đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 cụ thể: lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn lại số tiền 33.225.000 đồng (ba mươi ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn) đồng cho ông Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0021614 ngày 21/12/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại ụng Đ đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0032598 ngày 9/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đắc Phú

